

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 65/2018/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 20 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với
công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 300/TTr-SNN ngày 11 tháng 10 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên Thủy nông Đồng Cam; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Hữu Thế

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Yên

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 65/2018/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Kênh chìm*: Là kênh có mặt cắt ngang kênh theo thiết kế đào hoàn toàn trong nền đất tự nhiên.

2. *Kênh nổi*: Là kênh có mặt cắt ngang kênh theo thiết kế đắp nổi trên nền đất tự nhiên hoặc nửa đào, nửa đắp.

3. *Vùng phụ cận*: Là vùng không gian theo phương ngang và phương thẳng đứng bao quanh công trình thủy lợi, phục vụ cho công tác bảo vệ, quản lý, khai thác công trình. Vùng phụ cận còn được gọi là hành lang bảo vệ công trình.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi

1. Đối với kênh nổi

a) Có lưu lượng nhỏ hơn $02 \text{ m}^3/\text{s}$, phạm vi vùng phụ cận tính từ chân mái ngoài của kênh trở ra là 02 m đối với kênh đất; là 01m đối với kênh kiên cố;

b) Có lưu lượng từ $02 \text{ m}^3/\text{s}$ đến $10 \text{ m}^3/\text{s}$, phạm vi vùng phụ cận tính từ chân mái ngoài của kênh trở ra là $2,5 \text{ m}$ đối với kênh đất; là $1,5\text{m}$ đối với kênh kiên cố;

c) Có lưu lượng lớn hơn $10 \text{ m}^3/\text{s}$, phạm vi vùng phụ cận tính từ chân mái ngoài của kênh trở ra là 4 m ; là $2,5\text{m}$ đối với kênh kiên cố.

2. Đối với kênh chìm:

a) Có lưu lượng nhỏ hơn $02 \text{ m}^3/\text{s}$, phạm vi vùng phụ cận tính từ điểm giao mái trong của kênh với mặt đất tự nhiên trở ra là 02 m đối với kênh đất; là 01m đối với kênh kiên cố;

b) Có lưu lượng từ $02 \text{ m}^3/\text{s}$ đến $10 \text{ m}^3/\text{s}$, phạm vi vùng phụ cận từ điểm giao mái trong của kênh với mặt đất tự nhiên trở ra là $2,5 \text{ m}$ đối với kênh đất; là $1,5\text{m}$ đối với kênh kiên cố;

c) Có lưu lượng lớn hơn $10 \text{ m}^3/\text{s}$, phạm vi vùng phụ cận tính từ điểm giao mái trong của kênh với mặt đất tự nhiên trở ra là 4 m; là 2,5m đối với kênh kiên cố.

d) Đối với kênh, lưu lượng để xác định phạm vi vùng phụ cận là lưu lượng lớn nhất theo thiết kế mà công trình phải chuyển tải.

3. Công trình trên kênh: cống, xi phông, cầu máng và các công trình trên kênh khác

Phạm vi vùng phụ cận tính từ điểm xây đúc ngoài cùng của công trình hoặc điểm gia cố bảo vệ ngoài cùng của công trình trở ra là 3 m.

4. Đối với trạm bơm và nhà quản lý công trình thủy lợi:

a) Khu vực trạm bơm và nhà quản lý công trình thủy lợi đã có hàng rào bảo vệ: Phạm vi vùng phụ cận tính từ điểm xây đúc ngoài cùng của hàng rào bảo vệ trở ra là 3 m.

b) Khu vực trạm bơm và nhà quản lý công trình thủy lợi chưa có hàng rào bảo vệ: Phạm vi công trình trạm bơm và nhà quản lý công trình thủy lợi được tính là toàn bộ diện tích đất được Nhà nước giao khi xây dựng công trình đưa vào sử dụng, đơn vị trực tiếp quản lý khai thác phải xây dựng hàng rào bảo vệ theo ranh giới được giao đất. Phạm vi vùng phụ cận tính như quy định khu vực trạm bơm và nhà quản lý công trình thủy lợi có hàng rào bảo vệ.

5. Vùng phụ cận của cống trên sông được tính từ phần xây đúc cuối cùng trở ra mỗi phía 50 m.

6. Trường hợp trong một cụm công trình thủy lợi có công trình đất kết hợp với công trình xây đúc thì phạm vi bảo vệ công trình xác định theo thứ tự lần lượt như sau: công trình xây đúc kiên cố, công trình đất.

7. Khi kênh đi dưới đường dây tải điện hoặc đi song song với đường dây tải điện, hành lang bảo vệ an toàn tuân theo tiêu chuẩn của đường dây tải điện hiện hành.

8. Những đoạn kênh, tuyến kênh có bờ kênh kết hợp làm đường giao thông, phạm vi vùng phụ cận thực hiện theo quy định về hành lang bảo vệ công trình giao thông. Việc cắm mốc chỉ giới hành lang bảo vệ do đơn vị quản lý đường giao thông thực hiện, có sự tham gia, phối hợp của đơn vị trực tiếp quản lý khai thác công trình thủy lợi và các đơn vị có liên quan, đảm bảo phù hợp theo quy định.

9. Phạm vi vùng phụ cận của những công trình không có trong Quy định này được thực hiện theo Luật Thủy lợi và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Xử lý đất đai, nhà ở, vật kiến trúc khác nằm trong phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi

1. Tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất được pháp luật thừa nhận mà đất đó nằm trong phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi thì thực hiện theo khoản 3, Điều 157 Luật Đất đai năm 2013.

2. Nhà ở, vật kiến trúc và công trình xây dựng khác nằm trong phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi mà không được cấp phép theo quy định thì phải xem xét xử lý theo Luật Thủy lợi và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm của các sở, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện), Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã); tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì, tổ chức hướng dẫn cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến công trình thủy lợi thực hiện Quy định này.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc giám sát, thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định hiện hành.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, Công ty TNHH một thành viên Thủy nông Đồng Cam, các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác công trình thủy lợi rà soát hiện trạng sử dụng đất trong hành lang bảo vệ công trình.

b) Hướng dẫn, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất đối với các dự án đầu tư công trình thủy lợi theo thẩm quyền; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan có liên quan thực hiện việc quản lý và sử dụng đất theo quy định.

3. Sở Giao thông vận tải:

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc quy hoạch mạng lưới giao thông, xác định lộ giới, phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi có kết hợp giao thông, thực hiện cấm biển báo, chỉ giới đảm bảo an toàn giao thông theo quy định hiện hành.

4. Các sở, ngành khác

Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi thực hiện Quy định này.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc thực hiện Quy định này.

b) Tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy định này trên địa bàn; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý khai thác công trình thủy lợi, các đơn vị có liên quan trên địa bàn thực hiện Quy định này.

c) Thực hiện bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương theo quy định của pháp luật. Xử lý các hành vi vi phạm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi theo thẩm quyền.

d) Tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, giao đất theo thẩm quyền.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Tuyên truyền, phổ biến Quy định này tại địa phương.